CÔNG TY CỔ PHẦN BẾN XE HẢI PHÒNG

BÁO CÁO TÀI CHÍNH ĐÃ ĐƯỢC KIỂM TOÁN
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025

Tháng 3 năm 2026

MỤC LỤC

NỘI DUNG	TRANG
BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC	02 - 03
BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP	04 - 05
BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN	06 - 07
BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH	08
BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ	09
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH	10 - 19

BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC

Ban Giám đốc Công ty Cổ phần Bến xe Hải Phòng (gọi tắt là "Công ty") trình bày báo cáo này cùng với báo cáo tài chính đã được kiểm toán của Công ty cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2025.

Hội đồng quản trị và Ban Giám đốc

Các thành viên của Hội đồng quản trị và Ban Giám đốc đã điều hành Công ty trong năm và đến ngày lập báo cáo này gồm:

Hội đồng quản trị

Ông Lại Anh Dũng	Chủ tịch
Ông Nguyễn Quốc Đoàn	Thành viên
Bà Bùi Thị Hiền	Thành viên
Ông Nguyễn Quang Hưng	Thành viên
Ông Đỗ Văn Toán	Thành viên

Ban Giám đốc

Ông Đỗ Văn Toán	Tổng Giám đốc
Ông Nguyễn Quốc Đoàn	Phó Tổng Giám đốc

Trách nhiệm của Ban Giám đốc

Ban Giám đốc Công ty có trách nhiệm lập báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2025, phản ánh một cách trung thực và hợp lý, tình hình tài chính cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ của Công ty trong năm. Trong việc lập báo cáo tài chính này, Ban Giám đốc được yêu cầu phải:

- Tuân thủ chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính;
- Lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách đó một cách nhất quán;
- Đưa ra các xét đoán và ước tính một cách hợp lý và thận trọng;
- Nêu rõ các nguyên tắc kế toán thích hợp có được tuân thủ hay không, có những áp dụng sai lệch trọng yếu cần được công bố và giải thích trong báo cáo tài chính hay không;
- Thiết kế và thực hiện kiểm soát nội bộ một cách hữu hiệu cho mục đích lập và trình bày báo cáo tài chính hợp lý nhằm hạn chế rủi ro và gian lận; và
- Lập báo cáo tài chính trên cơ sở hoạt động liên tục trừ trường hợp không thể cho rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động kinh doanh.

Ban Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm đảm bảo rằng sổ kế toán được ghi chép một cách phù hợp để phản ánh một cách hợp lý tình hình tài chính của Công ty ở bất kỳ thời điểm nào và đảm bảo rằng báo cáo tài chính được lập và trình bày tuân thủ chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan. Ban Giám đốc cũng chịu trách nhiệm đảm bảo an toàn cho tài sản của Công ty và thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và sai phạm khác.

BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC (TIẾP THEO)

Ban Giám đốc xác nhận rằng Công ty đã tuân thủ các yêu cầu nêu trên trong việc lập và trình bày báo cáo tài chính.

Thay mặt và đại diện Ban Giám đốc,

Đỗ Văn Toán
Tổng Giám đốc
Hải Phòng, ngày 04 tháng 3 năm 2026

Phê duyệt các báo cáo tài chính

Tôi, Lại Anh Dũng - Chủ tịch Hội đồng quản trị, người đại diện theo pháp luật của Công ty, phê duyệt các báo cáo tài chính kèm theo. Báo cáo tài chính kèm theo đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính của Công ty tại ngày 31/12/2025, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với các chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính.

Thay mặt và đại diện Hội đồng quản trị,

M.S.D.N: 0201093974 - C.T.C.P - CÔNG TY CỔ PHẦN BẾN XE HẢI PHÒNG - H. VĨNH BẢO T.P HẢI PHÒNG

Lại Anh Dũng
Chủ tịch Hội đồng quản trị
Hải Phòng, ngày 04 tháng 3 năm 2026

anviet
Certified Public Accountants

Công ty TNHH Kiểm toán An Việt
BH06-12A, Khu đô thị Vinhomes Imperia, Phường Hồng Bàng, Hải Phòng
E anviet.hp@anvietcpa.com T (84-225) 3842430 W anvietcpa.com

Số: 08 /2026/KT-AVHP-TC

BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP

Kính gửi: **Các cổ đông, Hội đồng quản trị và Ban Giám đốc**
Công ty Cổ phần Bến xe Hải Phòng

Chúng tôi đã kiểm toán báo cáo tài chính kèm theo của Công ty Cổ phần Bến xe Hải Phòng (gọi tắt là "Công ty"), được lập ngày 04/3/2026, từ trang 06 đến trang 19, bao gồm bảng cân đối kế toán tại ngày 31/12/2025, báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, báo cáo lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày và bản thuyết minh báo cáo tài chính.

Trách nhiệm của Ban Giám đốc

Ban Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập và trình bày trung thực và hợp lý báo cáo tài chính của Công ty theo chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày báo cáo tài chính không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về báo cáo tài chính dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán. Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán theo các chuẩn mực kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp, lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu báo cáo tài chính của Công ty có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và thuyết minh trên báo cáo tài chính. Các thủ tục kiểm toán được lựa chọn dựa trên xét đoán của kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong báo cáo tài chính do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện đánh giá các rủi ro này, kiểm toán viên đã xem xét kiểm soát nội bộ của Công ty liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính trung thực, hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của Công ty. Công việc kiểm toán cũng bao gồm đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Ban Giám đốc, cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể báo cáo tài chính.

Chúng tôi tin tưởng rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi đã thu thập được là đầy đủ và thích hợp làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán của chúng tôi.

Ý kiến của Kiểm toán viên

Theo ý kiến của chúng tôi, báo cáo tài chính đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính của Công ty Cổ phần Bến xe Hải Phòng tại ngày 31/12/2025, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính.

CÔNG TY TNHH KIỂM TOÁN AN VIỆT CHI NHÁNH HẢI PHÒNG

Vũ Thị Hương Giang
Giám đốc
Số Giấy CN ĐKHN kiểm toán:
0388-2023-055-1

Lưu Thị Hồng
Kiểm toán viên
Số Giấy CN ĐKHN kiểm toán:
4837-2024-055-1

Thay mặt và đại diện
CÔNG TY TNHH KIỂM TOÁN AN VIỆT - CHI NHÁNH HẢI PHÒNG
Hải Phòng, ngày 04 tháng 3 năm 2026

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN
Tại ngày 31 tháng 12 năm 2025

Mẫu số B01 - DN
Đơn vị tính: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	31/12/2025	01/01/2025
A. TÀI SẢN NGẮN HẠN	**100**		**46.178.106.750**	**54.470.671.016**
I. Tiền và các khoản tương đương tiền	**110**	**5**	**1.065.444.025**	**1.943.087.360**
1. Tiền	111		65.444.025	1.943.087.360
2. Các khoản tương đương tiền	112		1.000.000.000	-
II. Đầu tư tài chính ngắn hạn	**120**		**44.500.000.000**	**51.500.000.000**
1. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	123	**6**	44.500.000.000	51.500.000.000
III. Các khoản phải thu ngắn hạn	**130**		**612.662.725**	**901.648.517**
1. Phải thu ngắn hạn khác	136	**7**	612.662.725	901.648.517
IV. Tài sản ngắn hạn khác	**150**		**-**	**125.935.139**
1. Thuế GTGT được khấu trừ	152		-	125.935.139
B. TÀI SẢN DÀI HẠN	**200**		**2.460.768.700**	**2.864.581.936**
I. Tài sản cố định	**220**		**2.460.768.700**	**2.864.581.936**
1. Tài sản cố định hữu hình	221	**8**	2.460.768.700	2.864.581.936
- Nguyên giá	*222*		*11.300.901.731*	*11.300.901.731*
- Giá trị hao mòn lũy kế	*223*		*(8.840.133.031)*	*(8.436.319.795)*
TỔNG CỘNG TÀI SẢN (270=100+200)	**270**		**48.638.875.450**	**57.335.252.952**

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (TIẾP THEO)
Tại ngày 31 tháng 12 năm 2025

Mẫu số B01 - DN
Đơn vị tính: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	31/12/2025	01/01/2025
C. NỢ PHẢI TRẢ	**300**		**679.722.744**	**2.336.055.833**
I. Nợ ngắn hạn	**310**		**679.722.744**	**2.336.055.833**
1. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	313	**9**	136.997.001	1.815.250.330
2. Phải trả người lao động	314	**22.1**	223.104.126	293.383.886
3. Doanh thu chưa thực hiện ngắn hạn	318	**10**	16.800.000	16.800.000
4. Phải trả ngắn hạn khác	319	**11**	76.839.801	48.339.801
5. Quỹ khen thưởng, phúc lợi	322	**22.2**	225.981.816	162.281.816
D. VỐN CHỦ SỞ HỮU	**400**		**47.959.152.706**	**54.999.197.119**
I. Vốn chủ sở hữu	**410**	**12**	**47.959.152.706**	**54.999.197.119**
1. Vốn góp của chủ sở hữu	411	**12a**	26.000.000.000	26.000.000.000
- Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết	*411a*		*26.000.000.000*	*26.000.000.000*
2. Thặng dư vốn cổ phần	412	**12**	11.146.934	11.146.934
3. Quỹ đầu tư phát triển	418	**12**	20.822.650.185	20.548.574.551
4. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	421	**12b**	1.125.355.587	8.439.475.634
- LNST chưa phân phối kỳ này	*421b*		*1.125.355.587*	*8.439.475.634*
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN (440=300+400)	**440**		**48.638.875.450**	**57.335.252.952**

Hải Phòng, ngày 04 tháng 3 năm 2026

Người lập biểu - Kế toán trưởng	Tổng Giám đốc	Chủ tịch HĐQT
Nguyễn Anh Tuấn	Đỗ Văn Toán	Lại Anh Dũng

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH
Năm 2025

Mẫu số B02 - DN
Đơn vị tính: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Năm 2025	Năm 2024
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	**01**	**13**	**1.730.994.576**	**4.579.251.974**
2. Các khoản giảm trừ doanh thu	02		-	-
3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ (10=01-02)	**10**		**1.730.994.576**	**4.579.251.974**
4. Giá vốn hàng bán	11	**14**	681.413.121	3.993.860.500
5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ (20=10-11)	**20**		**1.049.581.455**	**585.391.474**
6. Doanh thu hoạt động tài chính	21	**15**	2.392.278.228	2.176.006.534
7. Chi phí bán hàng	25		-	-
8. Chi phí quản lý doanh nghiệp	26	**16**	2.086.009.578	2.690.458.891
9. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh {30=20+21-(25+26)}	**30**		**1.355.850.105**	**70.939.117**
10. Thu nhập khác	31		-	10.478.405.425
11. Chi phí khác	32		-	-
12. Lợi nhuận khác (40=31-32)	**40**		**-**	**10.478.405.425**
13. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế (50=30+40)	**50**		**1.355.850.105**	**10.549.344.542**
14. Chi phí thuế TNDN hiện hành	51	**17**	230.494.518	2.109.868.908
15. Chi phí thuế TNDN hoãn lại	52		-	-
16. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp (60=50-51-52)	**60**		**1.125.355.587**	**8.439.475.634**
17. Lãi cơ bản trên cổ phiếu	**70**	**19**	**433**	**3.105**

Hải Phòng, ngày 04 tháng 3 năm 2026

Người lập biểu - Kế toán trưởng	Tổng Giám đốc	Chủ tịch HĐQT
Nguyễn Anh Tuấn	Đỗ Văn Toán	Lại Anh Dũng

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ
(Theo phương pháp gián tiếp)
Năm 2025

Mẫu số B03 - DN
Đơn vị tính: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Năm 2025	Năm 2024
I. Lưu chuyển tiền từ hoạt động kinh doanh				
1. Lợi nhuận trước thuế	***01***		***1.355.850.105***	***10.549.344.542***
2. Điều chỉnh cho các khoản				
- Khấu hao TSCĐ và BĐSĐT	02	8	403.813.236	721.352.789
- Lãi, lỗ từ hoạt động đầu tư	05		(2.392.278.228)	(12.654.411.959)
3. Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động	***08***		***(632.614.887)***	***(1.383.714.628)***
- Tăng, giảm các khoản phải thu	09		140.969.956	(125.564.804)
- Tăng, giảm các khoản phải trả	11		(65.658.699)	(157.948.517)
- Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	15	9	(1.913.368.908)	(539.204.330)
- Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	17		(301.700.000)	(455.285.000)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	***20***		***(2.772.372.538)***	***(2.661.717.279)***
II. Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư				
1. Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán TSCĐ và các tài sản dài hạn khác	22		-	10.804.180.447
2. Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của đơn vị khác	23		(12.500.000.000)	(21.500.000.000)
3. Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của đơn vị khác	24		19.500.000.000	14.000.000.000
4. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27		2.666.229.203	2.607.014.752
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	***30***		***9.666.229.203***	***5.911.195.199***
III. Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính				
1. Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	36		(7.771.500.000)	(1.820.000.000)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	***40***		***(7.771.500.000)***	***(1.820.000.000)***
Lưu chuyển tiền thuần trong năm (50=20+30+40)	**50**		**(877.643.335)**	**1.429.477.920**
Tiền và tương đương tiền đầu năm	**60**	**5**	**1.943.087.360**	**513.609.440**
Tiền và tương đương tiền cuối năm (70=50+60)	**70**	**5**	**1.065.444.025**	**1.943.087.360**

Số thuyết minh được áp dụng cho cột số liệu năm 2025.

Hải Phòng, ngày 04 tháng 3 năm 2026

Người lập biểu - Kế toán trưởng	Tổng Giám đốc	Chủ tịch HĐQT
Nguyễn Anh Tuấn	Đỗ Văn Toán	Lại Anh Dũng

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH **MẪU SỐ B09 - DN**

(Các thuyết minh từ trang 10 đến trang 19 là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính)

1. ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG CỦA DOANH NGHIỆP

1.1 Hình thức sở hữu vốn:

Công ty Cổ phần Bến xe Hải Phòng, trụ sở đặt tại Thôn Quang Trung, Xã Vĩnh Bảo, Thành phố Hải Phòng, Việt Nam, được cổ phần hóa từ Công ty TNHH MTV Bến xe Hải Phòng theo Quyết định số 1358/QĐ-UBND ngày 22/6/2015 của Ủy ban nhân dân thành phố Hải Phòng. Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp công ty cổ phần số 0201093974, thay đổi gần nhất lần thứ hai ngày 04/03/2025 do Sở Tài chính thành phố Hải Phòng cấp.

Vốn điều lệ là 26.000.000.000 VND, mệnh giá cổ phần là 10.000 VND.

Tổng số nhân viên Công ty tại ngày 31/12/2025 là 9 người (tại ngày 01/01/2025 là 14 người).

1.2 Lĩnh vực kinh doanh: dịch vụ.

1.3 Ngành nghề kinh doanh:

- Hoạt động dịch vụ hỗ trợ trực tiếp cho vận tải đường bộ;
- Vận tải hành khách bằng xe khách nội tỉnh, liên tỉnh;
- Tổ chức các hoạt động dịch vụ cho chủ phương tiện và hành khách như: đại lý bán vé, xếp dỡ hàng hóa, cung ứng nhiên liệu, dịch vụ ăn nghỉ.

1.4 Chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường: 12 tháng.

1.5 Đặc điểm hoạt động của doanh nghiệp trong năm tài chính có ảnh hưởng đến báo cáo tài chính: Do ảnh hưởng của việc bị thu hồi đất tại địa điểm kinh doanh số 273 Trần Nguyên Hãn, Phường Lê Chân, Thành phố Hải Phòng dẫn đến ngừng hoạt động cung cấp dịch vụ trông giữ xe và cho thuê tài sản hoạt động, theo đó, doanh thu trong năm 2025 giảm mạnh so với năm trước.

1.6 Cấu trúc doanh nghiệp: Công ty không có các đơn vị trực thuộc, công ty con hoặc công ty liên doanh, liên kết.

1.7 Tuyên bố về khả năng so sánh thông tin trên báo cáo tài chính: các thông tin trên báo cáo tài chính có thể so sánh được.

2. KỲ KẾ TOÁN, ĐƠN VỊ TIỀN TỆ SỬ DỤNG TRONG KẾ TOÁN

Kỳ kế toán năm bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 và kết thúc vào ngày 31 tháng 12.

Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán: Đồng Việt Nam (VND).

3. CHUẨN MỰC VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN ÁP DỤNG

Báo cáo tài chính được trình bày bằng Đồng Việt Nam (VND), được lập dựa trên các nguyên tắc kế toán phù hợp với quy định của chế độ kế toán doanh nghiệp ban hành tại Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014, Thông tư số 53/2016/TT-BTC ngày 21/3/2016 của Bộ Tài chính, chuẩn mực kế toán Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO) **MẪU SỐ B09 - DN**

(Các thuyết minh từ trang 10 đến trang 19 là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính)

4. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG

4.1 Cơ sở lập báo cáo tài chính

Báo cáo tài chính được lập trên cơ sở kế toán dồn tích (trừ các thông tin liên quan đến các luồng tiền).

4.2 Ước tính kế toán

Việc lập báo cáo tài chính tuân thủ theo các chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính yêu cầu Ban Giám đốc phải có những ước tính và giả định ảnh hưởng đến số liệu báo cáo về công nợ, tài sản và trình bày các khoản công nợ và tài sản tiềm tàng tại ngày kết thúc kỳ kế toán năm cũng như các số liệu báo cáo về doanh thu và chi phí trong suốt năm tài chính. Kết quả hoạt động kinh doanh thực tế có thể khác với các ước tính, giả định đặt ra.

4.3 Tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền phản ánh toàn bộ số tiền hiện có của Công ty tại ngày kết thúc kỳ kế toán năm, bao gồm tiền mặt và tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn.

Các khoản tương đương tiền phản ánh các khoản đầu tư ngắn hạn có thời hạn thu hồi không quá 03 tháng kể từ ngày đầu tư có khả năng chuyển đổi dễ dàng thành một lượng tiền xác định và không có rủi ro trong việc chuyển đổi thành tiền tại ngày kết thúc kỳ kế toán năm, được ghi nhận phù hợp với quy định của Chuẩn mực kế toán Việt Nam số 24 - Báo cáo lưu chuyển tiền tệ.

4.4 Các khoản đầu tư tài chính

Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn

Phản ánh các khoản đầu tư mà Công ty có ý định và khả năng nắm giữ đến ngày đáo hạn có kỳ hạn còn lại không quá 12 tháng (ngắn hạn) kể từ ngày kết thúc kỳ kế toán năm, là các khoản tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn.

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn được ghi nhận ban đầu theo giá gốc. Sau ghi nhận ban đầu, các khoản đầu tư này được ghi nhận theo giá trị có thể thu hồi.

Lãi tiền gửi phát sinh sau ngày mua các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn được ghi nhận vào doanh thu hoạt động tài chính.

Công ty căn cứ kỳ hạn còn lại kể từ ngày kết thúc kỳ kế toán năm của các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn để phân loại là dài hạn hoặc ngắn hạn.

4.5 Các khoản phải thu

Các khoản phải thu được theo dõi chi tiết theo kỳ hạn gốc, kỳ hạn còn lại tại ngày kết thúc kỳ kế toán năm, đối tượng phải thu và các yếu tố khác theo nhu cầu quản lý của Công ty. Phải thu khác là các khoản phải thu không có tính thương mại, không liên quan đến giao dịch mua - bán.

Công ty căn cứ kỳ hạn còn lại tại ngày kết thúc kỳ kế toán năm của các khoản phải thu để phân loại là dài hạn hoặc ngắn hạn.

Các khoản phải thu được ghi nhận không vượt quá giá trị có thể thu hồi.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO) **MẪU SỐ B09 - DN**

(Các thuyết minh từ trang 10 đến trang 19 là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính)

4.6 Tài sản cố định hữu hình và khấu hao

Tài sản cố định hữu hình được trình bày theo nguyên giá trừ giá trị hao mòn lũy kế. Nguyên giá tài sản cố định hữu hình được xác định theo giá gốc, ngoại trừ một số tài sản cố định được đánh giá lại theo kết quả xác định giá trị doanh nghiệp đã được phê duyệt kèm theo Quyết định số 1215/QĐ-UBND ngày 02/6/2015 của Ủy ban nhân dân thành phố Hải Phòng.

Nguyên giá tài sản cố định hữu hình hình thành từ mua sắm và xây dựng chuyển giao là toàn bộ các chi phí mà Công ty phải bỏ ra để có tài sản cố định tính đến thời điểm đưa tài sản đó vào trạng thái sẵn sàng sử dụng.

Tài sản cố định hữu hình được khấu hao theo phương pháp đường thẳng, số khấu hao được tính bằng nguyên giá chia cho thời gian hữu dụng ước tính hoặc giá trị còn lại chia cho thời gian hữu dụng còn lại. Thời gian tính khấu hao cụ thể của các loại tài sản như sau:

	Số năm
Nhà cửa, vật kiến trúc	24 - 25
Phương tiện vận tải, thiết bị truyền dẫn	Đã khấu hao hết
Thiết bị, dụng cụ quản lý	Đã khấu hao hết

Đối với các tài sản là nhà cửa, vật kiến trúc vừa sử dụng làm tài sản hoạt động của doanh nghiệp vừa để cho thuê theo quy định của pháp luật, Công ty chưa xác định tách riêng phần tài sản (diện tích) cho thuê thành bất động sản đầu tư do chưa có điều kiện để thực hiện.

4.7 Các khoản nợ phải trả

Các khoản nợ phải trả được theo dõi chi tiết theo kỳ hạn gốc, kỳ hạn còn lại tại ngày kết thúc kỳ kế toán năm, đối tượng phải trả và các yếu tố khác theo nhu cầu quản lý của Công ty. Phải trả khác là các khoản phải trả không có tính thương mại, không liên quan đến giao dịch mua, bán, cung cấp hàng hóa, dịch vụ.

Công ty căn cứ kỳ hạn còn lại tại ngày kết thúc kỳ kế toán năm của các khoản nợ phải trả để phân loại là dài hạn hoặc ngắn hạn.

Các khoản nợ phải trả được ghi nhận không thấp hơn nghĩa vụ phải thanh toán.

4.8 Doanh thu chưa thực hiện

Doanh thu chưa thực hiện được ghi nhận trên cơ sở số tiền của khách hàng đã trả trước cho một hoặc nhiều kỳ kế toán về cho thuê điểm đặt trạm phát sóng của Công ty Viettel Hải Phòng.

Doanh thu chưa thực hiện được phân bổ vào doanh thu theo phương pháp đường thẳng dựa trên số tiền đã thu được và số kỳ thu tiền trước.

4.9 Vốn chủ sở hữu

Vốn góp của chủ sở hữu tại ngày kết thúc kỳ kế toán năm phản ánh vốn góp của cổ đông trong và ngoài doanh nghiệp, được ghi nhận theo số vốn thực góp của các cổ đông góp cổ phần, tính theo mệnh giá cổ phiếu đã phát hành.

Thặng dư vốn cổ phần được ghi nhận theo số chênh lệch giữa giá thực tế phát hành và mệnh giá cổ phiếu khi phát hành lần đầu.

Các quỹ và lợi nhuận sau thuế năm 2024 được trích lập và phân phối theo Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông thường niên số 67/NQĐH-BXK ngày 27/6/2025.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO) **MẪU SỐ B09 - DN**

(Các thuyết minh từ trang 10 đến trang 19 là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính)

4.10 Doanh thu

Doanh thu cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn các điều kiện sau:

- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- Công ty đã hoặc sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch cung cấp dịch vụ đó;
- Xác định được phần công việc đã hoàn thành vào ngày kết thúc kỳ kế toán năm;
- Xác định được chi phí phát sinh cho giao dịch và chi phí để hoàn thành giao dịch cung cấp dịch vụ đó.

Doanh thu hoạt động tài chính là lãi tiền gửi được xác định tương đối chắc chắn trên cơ sở số dư tiền gửi và lãi suất thực tế từng kỳ.

4.11 Giá vốn hàng bán

Giá vốn hàng bán là trị giá vốn của dịch vụ đã cung cấp trong năm được ghi nhận theo thực tế phát sinh phù hợp với doanh thu.

4.12 Chi phí quản lý doanh nghiệp

Chi phí quản lý doanh nghiệp phản ánh các chi phí quản lý chung của Công ty phát sinh trong năm, bao gồm: chi phí về lương nhân viên bộ phận quản lý doanh nghiệp (tiền lương, tiền công, các khoản phụ cấp...); kinh phí công đoàn, bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế, bảo hiểm thất nghiệp của nhân viên quản lý doanh nghiệp; khấu hao tài sản cố định dùng cho quản lý doanh nghiệp; tiền thuê đất, thuế đất phi nông nghiệp, lệ phí môn bài; dịch vụ mua ngoài (điện, nước, cước điện thoại...); chi phí bằng tiền khác (tiếp khách...).

4.13 Thuế

Chi phí thuế thu nhập hiện hành phản ánh số thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp phát sinh trong năm.

Theo Nghị định số 320/2025/NĐ-CP ngày 15/12/2025 của Chính phủ, thuế suất 17% áp dụng đối với doanh nghiệp có tổng doanh thu năm từ trên 03 tỷ đồng đến không quá 50 tỷ đồng. Doanh thu làm căn cứ xác định thuộc đối tượng áp dụng thuế suất này là tổng doanh thu từ hoạt động bán hàng, cung cấp dịch vụ (không bao gồm các khoản giảm trừ doanh thu), doanh thu từ hoạt động tài chính và thu nhập khác trên Phụ lục kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh kèm theo tờ khai quyết toán thuế thu nhập doanh nghiệp của kỳ tính thuế năm trước liền kề. Theo đó, Công ty được áp dụng thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp 17% cho kỳ tính thuế năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2025.

Thu nhập tính thuế có thể khác với tổng lợi nhuận kế toán trước thuế được trình bày trên báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh vì thu nhập tính thuế không bao gồm các khoản thu nhập chịu thuế hay chi phí được khấu trừ trong các năm khác (bao gồm cả lỗ mang sang, nếu có) và ngoài ra không bao gồm các chỉ tiêu không chịu thuế hoặc không được khấu trừ.

Việc xác định các loại thuế của Công ty căn cứ vào các quy định hiện hành về thuế. Tuy nhiên, những quy định này thay đổi theo từng thời kỳ và việc xác định nghĩa vụ về các loại thuế tùy thuộc vào kết quả kiểm tra của cơ quan thuế có thẩm quyền.

4.14 Bên liên quan

Các bên được coi là bên liên quan của Công ty nếu một bên có khả năng, trực tiếp hoặc gián tiếp, kiểm soát bên kia hoặc có ảnh hưởng đáng kể tới bên kia trong việc ra quyết định các chính sách tài chính và hoạt động, hoặc khi Công ty và bên kia cùng chịu sự kiểm soát chung hoặc ảnh hưởng đáng kể chung. Các bên liên quan có thể là tổ chức hoặc cá nhân, bao gồm các thành viên gia đình thân cận của các cá nhân được coi là liên quan.

Thông tin với các bên liên quan được trình bày tại thuyết minh số 12, 21.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

MẪU SỐ B09 - DN

(Các thuyết minh từ trang 10 đến trang 19 là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính)

5. TIỀN VÀ CÁC KHOẢN TƯƠNG ĐƯƠNG TIỀN

	31/12/2025 VND	01/01/2025 VND
Tiền mặt	20.532.263	94.855.791
Tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn	44.911.762	1.848.231.569
Các khoản tương đương tiền	1.000.000.000	-
Cộng	**1.065.444.025**	**1.943.087.360**

6. CÁC KHOẢN ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH

Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn

	31/12/2025 VND		01/01/2025 VND	
	Giá gốc	Giá trị ghi sổ	Giá gốc	Giá trị ghi sổ
Ngắn hạn	**44.500.000.000**	**44.500.000.000**	**51.500.000.000**	**51.500.000.000**
Tiền gửi có kỳ hạn tại Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam - Chi nhánh Lê Chân	44.500.000.000	44.500.000.000	51.500.000.000	51.500.000.000

7. PHẢI THU KHÁC

	31/12/2025 VND		01/01/2025 VND	
	Giá trị	Dự phòng	Giá trị	Dự phòng
Ngắn hạn	**612.662.725**	**-**	**901.648.517**	**-**
Lãi tiền gửi ngân hàng	596.469.862	-	886.613.700	-
Phải thu cán bộ công nhân viên	16.192.863	-	15.034.817	-

8. TÀI SẢN CỐ ĐỊNH HỮU HÌNH

Đơn vị tính: VND

	Nhà cửa, vật kiến trúc	Phương tiện vận tải, truyền dẫn	Thiết bị, dụng cụ quản lý	Cộng
NGUYÊN GIÁ				
Tại 01/01/2025	**10.004.947.186**	**1.183.454.545**	**112.500.000**	**11.300.901.731**
Tăng trong năm	**-**	**-**	**-**	**-**
Giảm trong năm	**-**	**-**	**-**	**-**
Tại 31/12/2025	**10.004.947.186**	**1.183.454.545**	**112.500.000**	**11.300.901.731**
GIÁ TRỊ HAO MÒN LŨY KẾ				
Tại 01/01/2025	**7.140.365.250**	**1.183.454.545**	**112.500.000**	**8.436.319.795**
Tăng trong năm	**403.813.236**	**-**	**-**	**403.813.236**
Khấu hao trong năm	403.813.236	-	-	403.813.236
Giảm trong năm	**-**	**-**	**-**	**-**
Tại 31/12/2025	**7.544.178.486**	**1.183.454.545**	**112.500.000**	**8.840.133.031**
GIÁ TRỊ CÒN LẠI				
Tại 01/01/2025	**2.864.581.936**	**-**	**-**	**2.864.581.936**
Tại 31/12/2025	**2.460.768.700**	**-**	**-**	**2.460.768.700**

Nguyên giá tài sản cố định hữu hình đã khấu hao hết còn sử dụng tại ngày 31/12/2025 là 1.334.674.545 VND (tại ngày 01/01/2025 là 1.334.674.545 VND).

9. THUẾ VÀ CÁC KHOẢN PHẢI NỘP NHÀ NƯỚC

Đơn vị tính: VND

	01/01/2025	Số phải nộp trong năm	Số đã thực nộp trong năm	31/12/2025
Thuế giá trị gia tăng	-	1.476.255	-	1.476.255
Thuế thu nhập doanh nghiệp	1.809.868.908	230.494.518	1.913.368.908	126.994.518
Thuế thu nhập cá nhân	5.381.422	153.163.302	150.018.496	8.526.228
Tiền thuê đất, thuế đất	-	82.950.800	82.950.800	-
Phí, lệ phí	-	4.000.000	4.000.000	-
Cộng	**1.815.250.330**	**472.084.875**	**2.150.338.204**	**136.997.001**

10. DOANH THU CHƯA THỰC HIỆN

	31/12/2025 VND	01/01/2025 VND
Ngắn hạn	**16.800.000**	**16.800.000**
Doanh thu nhận trước về đặt trạm phát sóng Viettel	16.800.000	16.800.000

11. PHẢI TRẢ KHÁC

	31/12/2025 VND	01/01/2025 VND
Ngắn hạn	**76.839.801**	**48.339.801**
Cổ tức phải trả	75.137.600	46.637.600
Phải trả khác	1.702.201	1.702.201

12. VỐN CHỦ SỞ HỮU

BẢNG ĐỐI CHIẾU BIẾN ĐỘNG CỦA VỐN CHỦ SỞ HỮU

Đơn vị tính: VND

Diễn giải	Vốn góp của chủ sở hữu	Thặng dư vốn cổ phần	Quỹ đầu tư phát triển	LNST chưa phân phối	Cộng
Số đầu năm trước	**26.000.000.000**	**11.146.934**	**20.448.757.230**	**2.276.817.321**	**48.736.721.485**
Tăng trong năm trước	**-**	**-**	**99.817.321**	**8.439.475.634**	**8.539.292.955**
Lãi trong năm	-	-	-	8.439.475.634	8.439.475.634
Phân phối trong năm	-	-	99.817.321	-	99.817.321
Giảm trong năm trước	**-**	**-**	**-**	**2.276.817.321**	**2.276.817.321**
Phân phối trong năm	-	-	-	2.276.817.321	2.276.817.321
Số đầu năm nay	**26.000.000.000**	**11.146.934**	**20.548.574.551**	**8.439.475.634**	**54.999.197.119**
Tăng trong năm nay	**-**	**-**	**274.075.634**	**1.125.355.587**	**1.399.431.221**
Lãi trong năm	-	-	-	1.125.355.587	1.125.355.587
Phân phối trong năm	-	-	274.075.634	-	274.075.634
Giảm trong năm nay	**-**	**-**	**-**	**8.439.475.634**	**8.439.475.634**
Phân phối trong năm	-	-	-	8.439.475.634	8.439.475.634
Số cuối năm nay	**26.000.000.000**	**11.146.934**	**20.822.650.185**	**1.125.355.587**	**47.959.152.706**

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO) **MẪU SỐ B09 - DN**

(Các thuyết minh từ trang 10 đến trang 19 là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính)

CHI TIẾT VỐN GÓP CỦA CHỦ SỞ HỮU

Đơn vị tính: VND

	31/12/2025		01/01/2025	
	Tổng số	Vốn cổ phần thường	Tổng số	Vốn cổ phần thường
Nhà nước	16.790.000.000	16.790.000.000	16.790.000.000	16.790.000.000
Ông Lại Anh Dũng	603.560.000	603.560.000	603.560.000	603.560.000
Ông Nguyễn Quốc Đoàn	609.580.000	609.580.000	609.580.000	609.580.000
Bà Bùi Thị Hiền	606.580.000	606.580.000	606.580.000	606.580.000
Ông Nguyễn Quang Hưng	616.580.000	616.580.000	616.580.000	616.580.000
Ông Tạ Văn Vinh	581.580.000	581.580.000	581.580.000	581.580.000
Ông Đỗ Văn Toán	604.580.000	604.580.000	604.580.000	604.580.000
Các cổ đông khác	5.587.540.000	5.587.540.000	5.587.540.000	5.587.540.000
Cộng	**26.000.000.000**	**26.000.000.000**	**26.000.000.000**	**26.000.000.000**

GIAO DỊCH VỀ VỐN VỚI CÁC CHỦ SỞ HỮU VÀ CHIA CỔ TỨC, PHÂN PHỐI LỢI NHUẬN

a. Vốn góp của chủ sở hữu	**Năm 2025 VND**	**Năm 2024 VND**
Tại 01/01	**26.000.000.000**	**26.000.000.000**
Tăng trong năm	-	-
Giảm trong năm	-	-
Tại 31/12	**26.000.000.000**	**26.000.000.000**

b. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	**Năm 2025 VND**	**Năm 2024 VND**
Tại 01/01	**8.439.475.634**	**2.276.817.321**
Tăng trong năm	**1.125.355.587**	**8.439.475.634**
Lợi nhuận trong năm	1.125.355.587	8.439.475.634
Giảm trong năm	**8.439.475.634**	**2.276.817.321**
Chia cổ tức bằng tiền	7.800.000.000	1.820.000.000
Trích quỹ đầu tư phát triển	274.075.634	99.817.321
Trích quỹ khen thưởng, phúc lợi của người lao động	258.300.000	252.000.000
Trích quỹ thưởng của người quản lý	107.100.000	105.000.000
Tại 31/12	**1.125.355.587**	**8.439.475.634**

c. Cổ phiếu	**31/12/2025 Cổ phiếu**	**01/01/2025 Cổ phiếu**
Số lượng cổ phiếu đăng ký phát hành	2.600.000	2.600.000
Số lượng cổ phiếu đã bán ra công chúng	2.600.000	2.600.000
Cổ phiếu phổ thông	*2.600.000*	*2.600.000*
Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	2.600.000	2.600.000
Cổ phiếu phổ thông	*2.600.000*	*2.600.000*
Mệnh giá cổ phiếu đang lưu hành (VND/cổ phiếu)	10.000	10.000

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO) **MẪU SỐ B09 - DN**

(Các thuyết minh từ trang 10 đến trang 19 là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính)

13. DOANH THU BÁN HÀNG VÀ CUNG CẤP DỊCH VỤ

	Năm 2025 VND	Năm 2024 VND
Doanh thu cung cấp dịch vụ	900.783.705	3.116.501.189
Doanh thu cho thuê tài sản hoạt động	724.222.723	1.289.322.730
Doanh thu khác	105.988.148	173.428.055
Cộng	**1.730.994.576**	**4.579.251.974**

14. GIÁ VỐN HÀNG BÁN

	Năm 2025 VND	Năm 2024 VND
Giá vốn của dịch vụ đã cung cấp	681.413.121	3.993.860.500
Cộng	**681.413.121**	**3.993.860.500**

15. DOANH THU HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH

	Năm 2025 VND	Năm 2024 VND
Lãi tiền gửi	2.392.278.228	2.176.006.534
Cộng	**2.392.278.228**	**2.176.006.534**

16. CHI PHÍ QUẢN LÝ DOANH NGHIỆP

	Năm 2025 VND	Năm 2024 VND
Chi phí nhân viên	1.825.889.872	2.036.479.440
Chi phí khấu hao	-	178.613.953
Chi phí quản lý doanh nghiệp khác	260.119.706	475.365.498
Cộng	**2.086.009.578**	**2.690.458.891**

17. CHI PHÍ THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP HIỆN HÀNH

	Năm 2025 VND	Năm 2024 VND
Tổng lợi nhuận kế toán (1)	**1.355.850.105**	**10.549.344.542**
Các khoản điều chỉnh tăng, giảm lợi nhuận kế toán		
Các khoản điều chỉnh tăng (2)	-	-
Các khoản điều chỉnh giảm (3)	-	-
Tổng lợi nhuận tính thuế (4)=(1)+(2)-(3)	**1.355.850.105**	**10.549.344.542**
Thuế suất thuế TNDN (5)	17%	20%
Chi phí thuế TNDN hiện hành (6)=(4)*(5)	**230.494.518**	**2.109.868.908**

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO) **MẪU SỐ B09 - DN**

(Các thuyết minh từ trang 10 đến trang 19 là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính)

18. CHI PHÍ SẢN XUẤT KINH DOANH THEO YẾU TỐ

	Năm 2025 VND	Năm 2024 VND
Chi phí nhân công	1.825.889.872	2.338.213.093
Chi phí khấu hao tài sản cố định	403.813.236	721.352.789
Chi phí khác	537.719.591	3.624.753.509
Cộng	**2.767.422.699**	**6.684.319.391**

19. LÃI TRÊN CỔ PHIẾU

Lãi cơ bản trên cổ phiếu	Năm 2025 VND	Năm 2024 VND
Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp (1)	1.125.355.587	8.439.475.634
Các khoản điều chỉnh tăng (2a)	-	-
Các khoản điều chỉnh giảm (2b)	-	365.400.000
Lợi nhuận phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông (3)=(1)+(2a)-(2b)	**1.125.355.587**	**8.074.075.634**
Số lượng bình quân gia quyền của cổ phiếu phổ thông đang lưu hành trong kỳ (4)	2.600.000	2.600.000
Lãi cơ bản trên cổ phiếu (5)=(3)/(4)	**433**	**3.105**

Khoản điều chỉnh giảm (2b) tại cột số liệu so sánh năm 2024 là điều chỉnh do trích quỹ khen thưởng, phúc lợi từ lợi nhuận sau thuế năm 2024 theo Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông thường niên số 67/NQĐH-BXK ngày 27/6/2025.

Lãi cơ bản trên cổ phiếu năm 2025 có thể thay đổi sau khi Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2026 thông qua phương án phân phối lợi nhuận sau thuế năm 2025.

Không có sự tác động của các công cụ trong tương lai có thể được chuyển đổi thành cổ phiếu và pha loãng giá trị cổ phiếu nên không có dấu hiệu cho thấy lãi suy giảm trên cổ phiếu sẽ nhỏ hơn lãi cơ bản trên cổ phiếu.

20. CÁC SỰ KIỆN SAU NGÀY KẾT THÚC KỲ KẾ TOÁN NĂM

Ban Giám đốc khẳng định rằng, theo nhận định của Ban Giám đốc, trên các khía cạnh trọng yếu, ngoài sự kiện nêu trên, không còn sự kiện bất thường nào xảy ra sau ngày kết thúc làm ảnh hưởng đến tình hình tài chính và hoạt động của Công ty cần thiết phải điều chỉnh hoặc trình bày trên báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2025.

21. THÔNG TIN VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN

	Năm 2025 VND	Năm 2024 VND
Thu nhập của Hội đồng quản trị và Ban Giám đốc	830.950.867	1.105.802.862

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO) **MẪU SỐ B09 - DN**

(Các thuyết minh từ trang 10 đến trang 19 là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính)

22. THÔNG TIN KHÁC

	31/12/2025 VND	01/01/2025 VND
22.1 Phải trả người lao động	**223.104.126**	**293.383.886**
Trong đó:		
Phải trả viên chức quản lý	68.802.770	96.962.457
Phải trả CBCNV	154.301.356	196.421.429
22.2 Quỹ khen thưởng, phúc lợi	**225.981.816**	**162.281.816**
Trong đó:		
Quỹ phúc lợi	83.312.541	53.502.541
Quỹ khen thưởng	142.669.275	108.779.275
- Quỹ khen thưởng cho viên chức quản lý	*83.035.700*	*47.635.700*
- Quỹ khen thưởng cho CBCNV	*59.633.575*	*61.143.575*

23. SỐ LIỆU SO SÁNH

Số liệu so sánh là báo cáo tài chính năm 2024 đã được kiểm toán bởi Công ty TNHH Kiểm toán An Việt - Chi nhánh Hải Phòng và được trình bày lại cho phù hợp với số liệu của năm hiện hành, cụ thể là việc phân loại lại chi phí nhân viên Công ty đang phản ánh vào Giá vốn hàng bán sang Chi phí quản lý doanh nghiệp trên Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, số tiền 1.033.200.000 VND.

Hải Phòng, ngày 04 tháng 3 năm 2026

Người lập biểu - Kế toán trưởng	Tổng Giám đốc	Chủ tịch HĐQT
Nguyễn Anh Tuấn	Đỗ Văn Toán	Lại Anh Dũng

-Ký bởi: CÔNG TY CỔ PHẦN BẾN XE HẢI PHÒNG
-Ký ngày: 24/03/2026 09:23:13 (Asia/Ho_Chi_Minh)